TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/HN - ST
Ngày: 23 - 8 - 2024
"V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công.
2. Ông Nguyễn Văn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Huấn– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024. Về tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST – HN ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N trình bày: Bà với ông Lê Tuấn A do mai mối, được gia đình đồng ý đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ; nữ trang cưới có 10 chỉ vàng 24Kra và 10 chỉ vàng

18Kra, vợ chồng thỏa thuận bán hiện không còn. Sau khi cưới thì bà về sống làm dâu bên nhà chồng, thời gian đầu vợ chồng sống hanh phúc; đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình và quan điểm sống, thường hay bất đồng ý kiến, dẫn đến mất tình cảm nên mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, từ đó tình cảm vợ chồng dần dần rạng nứt, không có sự đồng cảm, không có tiếng nói chung mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó mà vợ chồng ly thân nhau từ tháng 8/2023 cho đến nay mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng cũng không còn, hàn gắn không hạnh phúc bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Tuấn A.

- *Về con chung:* Tên Lê Hoài L, sinh ngày 25/7/2023 hiện đang sống với bà N; khi ly hôn bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà N khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai bị đơn ông Lê Tuấn A trình bày: Hôn nhân giữa ông với bà N là do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ năm 2022, nữ trang có cho nhưng hiện nay không còn, nguyên nhân mâu thuẫn do không họp nhau. Nay ông đồng ý ly hôn với bà N.

- *Về con chung:* Tên Lê Hoài L, sinh ngày 25/7/2023 hiện đang sống với bà N; khi ly hôn ông đồng ý giao bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả*: Ông Tuấn A khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình và các quy định pháp luật có liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến N.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với ông Lê Tuấn A.

2. Về con chung: Tên Lê Hoài L, sinh ngày 25/7/2023 hiện đang sống với bà N; khi ly hôn giao bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu, đề nghị không xem xét.

4. Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu phải trả: Đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

5. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Yến N là nguyên đơn và ông Lê Tuấn A là bị đơn, tất cả vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự trong vụ án và quan điểm của Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tuấn A. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Ông Tuấn A có nơi cư trú tại ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Bà N và ông Tuấn A xác lập quan hệ hôn nhân năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 04/10/2022. Từ đó xác định hôn nhân giữa bà N với ông Tuấn A là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà N cho rằng do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau từ đó không còn tình cảm với nhau và đã ly thân

từ tháng 8/2023 cho đến nay mạnh ai nấy sống. Theo ông Tuấn A cho rằng do không họp nhau.

Căn cứ vào biên bản xác minh từ phía địa phương và gia đình ông Tuấn A cung cấp thì ông Tuấn A và bà N đã không còn sống chung với nhau khoảng hơn một năm nay; sau đầy tháng con thì bà N xin về nhà cha mẹ ruột chơi rồi đi luôn không về nhà ông Tuấn A nữa; gia đình có tìm cách hàn gắn nhưng không kết quả. Nay bà N và ông Tuấn A đều xác nhận tình cảm không còn, hàn gắn không hạnh phúc và đều có yêu cầu được ly hôn với nhau.Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N với ông Tuấn A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N và ông Tuấn A. Cho bà N và ông Tuấn A được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Lê Hoài L, sinh 25/7/2023 hiện đang sống với bà N; khi ly hôn bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tuấn A đồng ý giao bà N được quyền trực tiếp nuôi con; xét thấy cháu Hoài L hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, khi ly hôn giao bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoài L là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N chưa đặt ra yêu cầu ông Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi cháu Hoài L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà N có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 19, 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến N.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Lê Tuấn A được ly hôn.

2. Về con chung: Lê Hoài L, sinh 25/7/2023 hiện đang sống bà N; khi ly hôn giao bà Nguyễn Thị Yến N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Yến N có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002304, ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long được khấu trừ số tiền án phí mà bà N có nghĩa vụ chịu, do đó bà N không phải nộp.

Ông Lê Tuấn A không phải chịu án phí.

" Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Đại Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh